

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN HỆ CAO ĐẲNG CHÍNH QUY NĂM 2020
NGÀNH CÔNG NGHỆ Ô TÔ

(Kèm theo Quyết định số: 963/QĐ-CĐKTKT-TS ngày 22 tháng 12 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường CĐ Kinh tế - Kỹ thuật)

STT	Họ	tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Tiêu chí xét tuyển	Ghi chú
1	Dương Đình Tuấn	Anh	26/05/2002	Nam	Kinh	Xóm Trạng, Diêm Thụy, Phú Bình, Thái Nguyên	TN THPT; HK: K	
2	Lưu Công Kỳ	Anh	12/10/2002	Nam	Kinh	Tổ 7, Phường Hoàng Văn Thụ, TP Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
3	Lý Quang	Anh	11/02/2001	Nam	Tày	Phan Đình Phùng, TP Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
4	Đặng Thanh	Bình	31/10/2002	Nam	Sán Dìu	Cây Sơn, Linh Sơn, Đồng Hỷ, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
5	Hoàng Mạnh	Cao	03/11/2001	Nam	Tày	Thôn Nà Cóc, Xã Bình Trung, Chợ Đồn, Bắc Kạn	TN THPT; HK: T	
6	Dương Văn	Chiến	01/01/2002	Nam	Kinh	Xóm Nhân Minh, Thượng Đình, Phú Bình, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
7	Nguyễn Tiến	Đạt	19/11/2002	Nam	Kinh	Bình Nghĩa, Bình Lục, Hà Nam	TN THPT; HK: T	
8	Tổng Minh	Đức	23/03/2002	Nam	Kinh	Tổ 2, Chùa Hang, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
9	Trương Trung	Đức	19/04/2002	Nam	Kinh	Lò, Nam Tiến, Phổ Yên, Thái Nguyên	TN THPT; HK: K	
10	Đào Văn	Dương	08/03/2002	Nam	Kinh	Ngọc Thành 2, Ngọc Sơn, Hiệp Hòa, Bắc Giang	TN THPT; HK: T	
11	Lý Thanh	Dương	25/03/2002	Nam	Sán Dìu	Tân Trào, Hợp Hòa, Sơn Dương, Tuyên Quang	TN THPT; HK: T	
12	Đồng Khương	Duy	30/07/2002	Nam	Kinh	Quang Vinh, Tân Hương, Phổ Yên, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
13	Tổng Khánh	Duy	24/11/2002	Nam	Kinh	Biển Giữa, Biển Động, Lục Ngạn, Bắc Giang	TN THPT; HK: K	
14	Nguyễn Văn	Hải	12/04/2002	Nam	Tày	TDP 3, Bắc Sơn, Phổ Yên, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
15	Dương Đình	Huấn	06/11/2002	Nam	Kinh	Xóm Rô, Thượng Đình, Phú Bình, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
16	Đào Đức	Hùng	27/09/2002	Nam	Kinh	Tổ 4, Chùa Hang, TP Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
17	Nguyễn Mạnh	Hùng	29/10/1999	Nam	Kinh	Triều Lai, Thuận Thành, Phổ Yên, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
18	Thái Ngô	Hùng	29/03/2002	Nam	Kinh	Xóm Nhà Máy, TT Quân Chu, Đại Từ, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
19	Bùi Quang	Huy	03/07/2002	Nam	Kinh	Xóm Diễn, Tân Đức, Phú Bình, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	

STT	Họ	tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Tiêu chí xét tuyển	Ghi chú
20	Nguyễn Xuân	Huy	22/07/2002	Nam	Kinh	Thành Công, Phở Yên, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
21	Trần Văn	Huy	22/06/2002	Nam	Kinh	Cơ Phí, Vạn Phái, Phở Yên, Thái Nguyên	TN THPT; HK: K	
22	Dương Văn	Kiểm	30/10/2002	Nam	Kinh	Đồng Hoàng, Hoàng Lương, Hiệp Hòa, Bắc Giang	TN THPT; HK: T	
23	Bùi Tùng	Lâm	14/05/2000	Nam	Kinh	Tổ 4, Quan Triều, Thành phố Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
24	Bàn Đức	Long	20/09/2002	Nam	Kinh	Klim Phụng, Định Hóa, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
25	Chu Văn	Nam	18/03/2002	Nam	Kinh	Tiên Lý, Yên Định, Sơn Động, Bắc Giang	TN THPT; HK: T	
26	Lường Thái	Nguyên	07/10/2002	Nam	Tày	Khuân Cầm, Quy Kỳ, Định Hóa, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
27	Trần Văn	Nguyên	17/11/2002	Nam	Kinh	Tân Kim- Phú Bình, Thái Nguyên	TN THPT; HK: K	
28	Nguyễn Việt	Nhâm	09/08/2002	Nam	Kinh	Lương Tiến, Phú Tiến, Định Hóa, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
29	Nguyễn Hoàng	Phi	20/09/2002	Nam	Mường	Thanh Nông, Lạc Thủy, Hòa Bình	TN THPT; HK: T	
30	Ngô Văn	Quang	20/03/2002	Nam	Tày	Đồng Thịnh, Định Hóa, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
31	Nguyễn Văn	Quang	22/10/2002	Nam	Kinh	Tổ 11- Phường Sông Cầu, TP Bắc Kạn	TN THPT; HK: T	
32	Dương Văn	Quảng	12/07/2002	Nam	Tày	Bạch Thạch, Tân Kim, Phú Bình, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
33	Nguyễn Hà	Quảng	07/09/2002	Nam	Kinh	Xóm Cây Xanh, Đắc Sơn, Phở Yên, Thành phố Thái	TN THPT; HK: T	
34	Bê Văn	Quyển	14/01/2002	Nam	Tày	Tiên Lý, Yên Định, Sơn Động, Bắc Giang	TN THPT; HK: K	
35	Nguyễn Văn	Quỳnh	25/07/2002	Nam	Kinh	Lò, Nam Tiến, Phở Yên, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
36	Trần Văn	Quỳnh	27/11/2002	Nam	CaoLan	Cây Thông, Đại Phú, Sơn Dương, Tuyên Quang	TN THPT; HK: T	
37	Lưu Quang	Thành	08/10/2001	Nam	Mông	Hồng Việt, Hòa An, Cao Bằng	TN THPT; HK: T	
38	Trần Văn	Thiện	20/09/2002	Nam	Kinh	Kha Sơn, Phú Bình, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
39	Tô Văn	Thịnh	04/02/2001	Nam	Sán Diu	Phản Mễ, Phú Lương, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
40	Liễn Văn	Thọ	17/03/2001	Nam	Kinh	Thanh Chử, Linh Sơn, TP Thái Nguyên	TN THPT; HK: K	
41	Nguyễn Đình	Thức	20/12/2002	Nam	Tày	Bình Văn- Chợ Mới, Bắc Kạn	TN THPT; HK: T	
42	Nguyễn Ngọc	Thức	06/12/2001	Nam	Kinh	Ba Hàng, Phở Yên, Tỉnh Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
43	Ngô Anh	Tú	28/11/2002	Nam	Kinh	Xóm Chuối, Kỳ Phú, Đại Từ, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
44	Hoàng Lương	Tuấn	28/01/2002	Nam	Tày	Phai Thín, Đức Long, Hòa An, Cao Bằng	TN THPT; HK: T	

STT	Họ	tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Tiêu chí xét tuyển	Ghi chú
45	Nguyễn Trọng	Tuấn	16/09/2002	Nam	Dao	Hang Dơi, Phúc Thuận, Phổ Yên, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
46	Hoàng Tiến	Tùng	20/10/2001	Nam	Nùng	Phúc Thuận, Phúc Trìu, TP Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
47	Lãnh Văn	Tùng	23/09/2002	Nam	Kinh	Biển Giữa, Biển Động, Lục Ngạn, Bắc Giang	TN THPT; HK: K	
48	Phạm Hoàng	Việt	01/01/2001	Nam	Kinh	Xóm 8, Sơn Cẩm, Phú Lương, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
49	Ngô Văn	Vinh	22/02/2002	Nam	Kinh	Bảo An, Hoàng An, Hiệp Hòa, Bắc Giang	TN THPT; HK: T	
50	Nguyễn Tiến	Yên	08/11/2002	Nam	Kinh	Xóm Lũa, Tân Đức, Phú Bình, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	

Ấn định danh sách: 50 thí sinh / 6/2022